

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy  
xay xát lúa gạo Lộc Cảng của Công ty TNHH một thành viên  
sản xuất thương mại dịch vụ trung tâm gạo Lộc Cảng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy xay xát lúa gạo Lộc Cảng tại xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ trung tâm gạo Lộc Cảng họp vào ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy xay xát lúa gạo Lộc Cảng tại xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 274/CV-LC ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ trung tâm gạo Lộc Cảng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 2962/TTr-STNMT ngày 14 tháng 5 năm 2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy xay xát lúa gạo Lộc Cảng tại xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ trung tâm gạo Lộc Cảng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Châu Thành;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP ĐQBH, HĐND và UBND tỉnh.

14/CTC\_VNAM\_QD/18

B

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH.**



**Trần Văn Chiến**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN NHÀ**  
**MÁY XAY XÁT LÚA GẠO LỘC CẢNG CỦA CÔNG TY TNHH MTV SẢN**  
**XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRUNG TÂM GẠO LỘC CẢNG**



*(Kèm theo Quyết định số 10.71.../QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2020  
 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)*

**1. Thông tin về Dự án:**

- Tên dự án: Nhà máy xay xát lúa gạo Lộc Cảng
- Địa điểm thực hiện: xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ dự án: Công ty TNHH một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ trung tâm gạo Lộc Cảng.

**1.1 Phạm vi, quy mô:**

- Tổng diện tích đất của Dự án là 12.726,9 ha.
- Mục tiêu, quy mô: 8-12 tấn/giờ.

**1.2 Các hạng mục công trình:** Hạng mục chính: Nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn, kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm, kho chứa hóa chất; hạng mục bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải, kho chứa chất thải, bể tự hoại; cây xanh; hạng mục công trình phụ trợ,...

**1.3 Công nghệ sản xuất của Dự án:**

Lúa, nếp tươi → làm sạch → Sấy → Loại bỏ tạp chất → Bóc vỏ lụa → Xát trắng → Lọc sạn → Tách thóc → Đánh bóng → Phân loại → Tách màu → Đóng bao.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên.
- Bụi cám phát sinh từ máy xát trắng và máy đánh bóng.
- Khí thải phát sinh từ lò đốt cấp nhiệt cho công đoạn sấy.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên Dự án. Thành phần: Chất thải rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, Nitơ, Photpho, Coliform...

**2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

- Bụi cám phát sinh từ công đoạn nạp liệu, bóc vỏ, xát trắng, đánh bóng, tách màu, đóng bao.
- Khí thải phát sinh từ lò đốt cấp nhiệt cho công đoạn sấy.

**2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

*Handwritten signature*

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên. Bao gồm: Bao bì, vỏ lon đựng thức uống, hộp thức ăn thừa...

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất. Bao gồm: Trấu, giấy vụn, phế liệu...

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất. Bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang, dầu động cơ, hộp số...

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải của Dự án như sau:

+ Xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Dự án.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, công suất 05 m<sup>3</sup>/ngày đêm, quy trình: Nước thải → Bể thu gom → Bể MBBR → Bể MBR → Bể lọc → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp nhiệt, quy trình: Bụi → Cyclon → Tháp hấp thụ → Ống phát thải.

- Lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý bụi tại công đoạn nạp liệu, bóc vỏ, xát trắng, đánh bóng, tách màu, đóng bao, quy trình như sau: Bụi → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát khí.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom hàng ngày về khu vực lưu trữ.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại có vách ngăn lưu giữ riêng biệt cho từng loại. Chất thải nguy hại phát sinh được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tần suất thu gom, xử lý: 06 tháng/lần.

### 3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: Trang bị khẩu trang, nút bịt chống ồn cho công nhân, lắp đặt đệm chống ồn trong quá trình lắp đặt thiết bị, hoạt động tại nhà máy.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: Nước mưa → thu gom dẫn vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ của Dự án → đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực.

### 3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải: Thực hiện phương án phòng ngừa ứng phó sự cố theo đúng quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 11/VBHN – BTNMT ngày 25/10/2019.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cách cháy, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- 02 hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nạp liệu, bóc vỏ, xát trắng, đánh bóng, tách màu, đóng bao.
- 01 hệ thống thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt cấp nhiệt.
- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Khu lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

#### 5.1 Chương trình giám sát bụi, khí thải.

5.1.1 Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn nạp liệu, bóc vỏ, xát trắng, đánh bóng, tách màu, đóng bao.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 02 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

#### 5.1.2 Khí thải phát sinh từ lò đốt cấp nhiệt.

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 01 Ống thoát khí sau hệ thống xử lý.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

#### 5.2 Chương trình giám sát nước thải.

- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng N, tổng P, Clo dư, Coliform.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: sau hệ thống xử lý nước thải tại vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A.

## 5.2 Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Tần suất: Thường xuyên, liên tục.

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn phát sinh, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Quy định áp dụng: Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 19/VBHN - BTNMT ngày 25/10/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải, bụi phát sinh từ toàn bộ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, vận hành, kết thúc Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định về quản lý chất thải và phế liệu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 19/VBHN - BTNMT ngày 25/10/2019 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.